

Số: /DVTL-KT

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT
KINH DOANH NĂM 2022 (Biểu số 3)**

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

1. Sản phẩm sản xuất chủ yếu:

+ Diện tích tưới: kế hoạch 6.939 ha; Thực hiện 6.508 ha, tỷ lệ so với kế hoạch: 93,79 %.

+ Sản lượng nước thô: kế hoạch 10.106.400 m³; thực hiện 12.870.998 m³ đạt 127,35 % so với kế hoạch.

+ Sản lượng nước sạch: kế hoạch 870.575 m³; thực hiện 785.404 m³ đạt 90% so với kế hoạch.

2. Chỉ tiêu doanh thu:

+ Doanh thu kế hoạch 25,091 tỷ đồng; doanh thu thực hiện là 26,066 tỷ đồng đạt 103,886% so với kế hoạch.

Doanh thu hoạt động công ích kế hoạch: 16,440 tỷ đồng; doanh thu thực hiện 18,534 tỷ đồng đạt 113% so với kế hoạch.

3. Chỉ tiêu lợi nhuận:

+ Lợi nhuận trước thuế kế hoạch lãi 0,116 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế thực hiện lãi 3,742 tỷ đồng.

4. Chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước

- Kế hoạch nộp ngân sách nhà nước 1,44 tỷ đồng, thực hiện 1,76 tỷ đồng đạt 122% so với kế hoạch.

5. Thuận lợi, khó khăn

a) Thuận lợi:

Trong năm với diễn biến hết sức phức tạp của dịch bệnh Covid 19 đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty. Tuy nhiên, thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, lãnh đạo Công ty đã kịp thời chỉ đạo các phòng chuyên môn, các đơn vị sản xuất của Công ty chủ động, linh hoạt xây dựng các kịch bản, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế, với mục tiêu kép: Đảm bảo an toàn phòng chống dịch, bảo vệ sức khỏe người lao động; đồng thời duy trì được sản xuất không bị gián đoạn, đứt gãy cung cấp dịch vụ thiết yếu qua triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp;

b) Khó khăn:

- Giá các mặt hàng nông sản trong năm của một số cây trồng chủ lực của tỉnh duy trì ở mức giá thấp. Do đó việc duy trì và phát triển diện tích cây công nghiệp có tưới giảm và gặp nhiều khó khăn.

- Nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân ngày càng tăng, tuy nhiên các công trình cấp nước sạch nông thôn giao cho Công ty quản lý khai thác phần lớn đều ở vùng sâu, vùng xa, người dân sử dụng nước sạch theo mùa, song song với dùng nước giếng đào, giếng khoan, bên cạnh đó các tuyến đường ống cấp nước của một số công trình còn hạn chế, chưa được đầu tư mở rộng đầu nối.

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Diện tích cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được ngân sách Trung ương hỗ trợ giá	ha	6.537	6.400	
b)	Diện tích cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi phải thu của đối tượng sử dụng	ha	402	108	
c)	Sản lượng nước thô phục vụ nông nghiệp và công nghiệp	m3	10.106.400	12.870.998	
d)	Sản lượng nước sạch thương phẩm bán ra	m3	870.575	785.404	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	25,091	26,066	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,116	3,742	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,093	2,988	
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	1,44	1,762	
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)				
a)	Diện tích ứng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi đề nghị Trung ương hỗ trợ giá	ha	6.537	6.400	
b)	Diện tích cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi phải thu của đối tượng sử dụng	ha	402	108	
c)	Sản lượng nước thô phục vụ nông nghiệp và công nghiệp	m3	10.106.400	12.870.998	
d)	Sản lượng nước sạch thương phẩm bán ra	m3	870.575	785.404	
8	Tổng số lao động	Người	98	95	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	10,478	8,577	
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1,140	0,888	
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	9,338	7,689	

Lưu ý:

(*) Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
Dự án quan trọng quốc gia		Không có					
Dự án nhóm A		Không có					
Dự án nhóm B		Không có					

2. Các khoản đầu tư tài chính.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẮM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
1	<i>Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ</i>									
1.1	Công ty A									
1.2	Công ty B									
2	<i>Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</i>									
2.1	Công ty C									
2.2	Công ty D									

Nơi nhận:

- Bộ KH&ĐT;
- Sở KH tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Đặng Đình Thuận